

PHONICS INSTRUCTION IN VIETNAMESE

Receptive Vocabulary

Reading Practice Lesson 10

Tên (Name): _____

Đọc và đánh vần các chữ trong hình. (Read and spell the words in the pictures):

 <u>chai</u>	 <u>ao</u>	 <u>thau</u>
 <u>khay</u>	 <u>dâu</u>	 <u>cây</u>
 <u>kéo</u>	 <u>phễu</u>	 <u>nĩa</u>



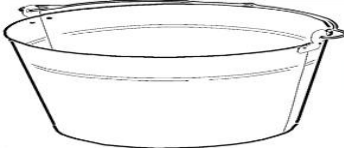

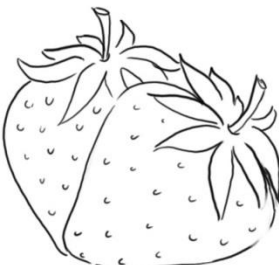

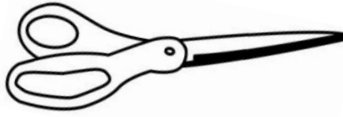
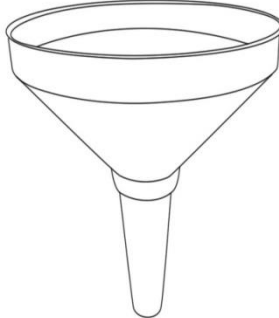

PHONICS INSTRUCTION IN VIETNAMESE

Receptive Vocabulary

Listening & Writing Practice Lesson 10

Tên (Name): _____

Nghe đọc rồi viết và thêm dấu cho đủ chữ. Write the correct letters and the marks when you hear the sounds to complete the words):

 <u>ch</u>	 <u>a</u>	 <u>t u</u>
 <u>k a</u>	 <u>u</u>	 <u>c</u>
 <u>o</u>	 <u>p u</u>	 <u>n a</u>

PHONICS INSTRUCTION IN VIETNAMESE

Receptive Vocabulary

Writing Practice 10a

Tên (Name): _____

Chép mỗi chữ 3 lần vào các chỗ đã cho (Write the words 3 times in the given spaces):

khay _____

nĩa _____

cây _____

áo _____

kéo _____

phễu _____

dâu _____

chai _____

thau _____

áo _____



PHONICS INSTRUCTION IN VIETNAMESE

Receptive Vocabulary

Writing Practice 10b

Điền vào chỗ trống cho đủ chữ. (Complete the words by adding correct letters and marks.)

1. kh___



2. c___



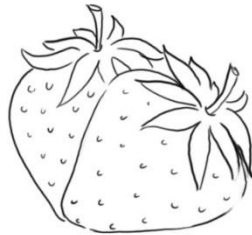
3. n___



4. th___



5. d___



6. ph___



7. ___



8. ___



9. k___



10. ch___



PHONICS INSTRUCTION IN VIETNAMESE

Receptive Vocabulary

Writing Practice 10c

Ghi tên các bức hình trên hàng gạch ngay bên dưới. (Write the names of these pictures in the given spaces.)

















